

DỰ THẢO

Đồng Nai, ngày tháng năm 2020

ĐỀ ÁN
THU LỆ PHÍ CẤP GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI
LÀM VIỆC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Kèm theo tờ trình số: /TTr-UBND ngày / /2020 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ BAN HÀNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THU LỆ PHÍ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN LỆ PHÍ

1. Đánh giá tình hình thu lệ phí

Căn cứ Khoản 2 Điều 4 Luật phí và lệ phí, Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền quyết định mức thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Căn cứ tại điểm d khoản 2 Điều 5 Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định: Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam là khoản thu mà người sử dụng lao động phải nộp khi làm thủ tục để được cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam cấp giấy phép

lao động, cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức mình hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Theo số liệu thống kê về việc cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài và tình hình thu, chi lệ phí cấp giấy phép lao động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từ năm 2018 đến 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

- Số lượng giấy phép lao động đã được cấp mới và cấp lại

ĐVT: cái

Năm	Năm 2018	Năm 2019	6 tháng năm 2020
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	738	1.123	282
Ban quản lý các khu công nghiệp	4.453	5.055	1.767
TỔNG	5.191	6.178	2.049

- Tình hình thu, chi lệ phí cấp giấy phép lao động

ĐVT: triệu đồng

Số năm	Tổng số tiền thu được	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	Dự toán giao chi thực hiện nhiệm vụ
Năm 2018	2.107	2.107	450
Năm 2019	2.800	2.800	430
6 tháng đầu năm 2020	872	872	457
TỔNG	5.779	5.779	1.336

Qua đó, số lượng giấy phép đã được cấp là 13.418 giấy phép, số tiền thu được từ việc cấp phép là 5.778.000.000 đồng, tổng số tiền dự toán giao chi thực hiện nhiệm vụ là: 1.336.000.000 đồng, số tiền đã nộp ngân sách nhà nước để bổ sung cho các hoạt động quản lý của địa phương là: 5.778.000.000 đồng. Từ đầu năm 2018 đến nay, toàn bộ số tiền thu từ hoạt động cấp giấy phép lao động nộp 100% vào ngân sách của nhà nước. Qua phân tích, đánh giá chung thì việc thu lệ phí cấp giấy phép lao động cơ bản đã góp phần bổ sung vào kinh phí hoạt động quản lý của địa phương, hỗ trợ kinh phí trong việc quản lý hoạt động thủ tục cấp giấy phép lao động.

Đồng thời, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành khảo sát các tỉnh lân cận có hoàn cảnh kinh tế - xã hội tương đồng như: Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Long An (HĐND tỉnh đã ban hành nghị quyết), cụ thể:

STT	Địa phương	Mức thu (VNĐ)		Tỷ lệ nộp NSNN	Ghi chú
		Cấp mới	Cấp lại		

		GPLĐ	GPLĐ		
1	Bình Dương	600.000	450.000	100%	
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	600.000	450.000	100%	
3	Tây Ninh	600.000	450.000	100%	
4	Long An	600.000	450.000	100%	

Căn cứ các quy định và thực tế giá cả thị trường hiện nay thì đối tượng và mức thu của Đề án do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng đúng, đủ theo quy định và phù hợp. So với Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Long An cơ bản có sự tương đồng.

Như vậy, Đồng Nai đã căn cứ đúng theo các quy định tại Luật phí và lệ phí và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, tình hình thực tế trượt giá để xây dựng đề án lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài.

2. Sự cần thiết xây dựng Đề án Lệ phí

Thực hiện Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Ngày 08/12/2017, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 102/2017/NQ-HĐND quy định về lệ phí cấp cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Ngày 29/11/2019, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (có hiệu lực kể từ ngày 13/01/2020) thay thế Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ khoản 1 Điều 27 và Khoản 4, Điều 154 và Khoản 1, Điều 170 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, việc ban hành Nghị quyết quy định về lệ phí cấp cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Thông tư số 85/2019/TT-BTC là cần thiết.

Để kịp thời triển khai thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về phí, lệ phí, việc xây dựng Đề án lệ phí cấp cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 102/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 làm cơ sở triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Tên lệ phí: Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Mục đích thu lệ phí

Việc thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài là để nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch cho các đối tượng thuộc diện cấp giấy phép lao động.

3. Phạm vi điều chỉnh: Lệ phí cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài được thống nhất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Đối tượng nộp lệ phí

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động nước ngoài theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam phải nộp lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài.

5. Đối tượng miễn nộp lệ phí

Người lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc đối tượng miễn cấp giấy phép lao động theo quy định tại Nghị định 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và Thông tư số 35/2016/TT-BCT ngày 28/12/2016 của Bộ Công thương quy định việc xác định người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp thuộc phạm vi mười một ngành dịch vụ trong Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ của Việt Nam với Tổ chức Thương mại thế giới không thuộc diện cấp giấy phép lao động thì không phải làm thủ tục cấp giấy phép lao động và không phải đóng lệ phí.

6. Đơn vị tổ chức thu lệ phí

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Đồng Nai thu lệ phí cấp, cấp lại giấy phép lao động đối với người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nằm ngoài khu công nghiệp.

- Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai thu lệ phí cấp, cấp lại giấy phép lao động đối với người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong các khu công nghiệp thuộc quyền quản lý.

7. Mức thu lệ phí

Giữ mức thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, tham khảo quy định tại Thông tư 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng

nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tỉnh lân cận có hoàn cảnh kinh tế - xã hội tương đồng.

a/ Nội dung thu lệ phí gồm 2 nội dung như sau:

- Cấp mới giấy phép lao động.
- Cấp lại giấy phép lao động.

b/ Biểu mức thu lệ phí:

- Cấp mới giấy phép lao động: 600.000 đồng/Giấy phép
- Cấp lại giấy phép lao động: 450.000 đồng/Giấy phép

8. Đánh giá khả năng đóng góp của đối tượng nộp lệ phí, hiệu quả thu lệ phí

8.1 Đối với doanh nghiệp, người sử dụng lao động

Việc thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong thời gian qua thực hiện theo Nghị quyết số 102/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có khoảng 35.000 doanh nghiệp đang hoạt động và sử dụng 8.817 lao động nước ngoài (trung bình 04 doanh nghiệp sử dụng 01 lao động nước ngoài) thì với mức thu lệ phí cấp mới là 600.000 đồng/1 giấy phép và cấp lại là 450.000 đồng/1 giấy phép là phù hợp với khả năng tài chính, không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động và nguồn kinh phí của các doanh nghiệp.

8.2 Đối với cơ quan quản lý lao động

Với số lượng 8.817 lao động nước ngoài đang làm việc trên địa bàn tỉnh thì công tác quản lý và cấp giấy phép lao động đòi hỏi cần nhiều nhân lực và thiết bị để hỗ trợ.

Đồng thời, thực hiện Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành chương trình tổng thể cải cách thủ tục hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về Quy chế phối hợp, công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo kết quả kiểm soát thủ tục hành chính, trong những năm qua ngành lao động- thương binh và xã hội đã thực hiện nghiêm các quy định về cải cách thủ tục hành chính, trong đó có việc cải cách thời gian, thủ tục tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài trong thời gian ngắn nhất. Vì vậy, việc thu lệ phí cấp giấy phép lao động một phần nào đó tạo được nguồn kinh phí cho ngân sách để giải quyết chi trả làm thêm giờ cho nhân sự của cơ quan để đảm bảo thực hiện đúng thời gian quy định.

IV. CHẾ ĐỘ THU NỘP, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN LỆ PHÍ

1. Chứng từ thu lệ phí

- Chứng từ thu lệ phí căn cứ theo chứng từ thu lệ phí do Cục thuế Đồng Nai phát hành theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định về phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

- Đối với tổ chức thu lệ phí phải lập và cấp biên lai cho đối tượng nộp lệ phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

2. Chế độ thu nộp, quản lý, sử dụng lệ phí

- Các cơ quan thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài phải nộp 100% số tiền thu được vào ngân sách nhà nước.

- Nguồn kinh phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Lập dự toán và quyết toán

- Hàng năm, tổ chức thu lệ phí có trách nhiệm lập dự toán thu - chi về lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

- Định kỳ cuối quý, năm, tổ chức thu lệ phí phải lập báo cáo quyết toán thu lệ phí gửi cơ quan thuế, tài chính cùng cấp theo quy định. Kinh phí quyết toán đơn vị sử dụng không hết được phép chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

V. CÔNG KHAI THU LỆ PHÍ

Cơ quan thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài chịu trách nhiệm niêm yết và thông báo công khai tại địa điểm thu lệ phí ở vị trí thuận tiện để các đối tượng nộp lệ phí dễ dàng nhận biết, gồm: Niêm yết tên lệ phí, mức thu, phương thức thu và các khoản văn bản quy định thu lệ phí. Khi thu lệ phí phải cấp chứng từ thu lệ phí cho đối tượng nộp lệ phí theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi đề án thu lệ phí cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua sẽ thay thế Nghị quyết số 102/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định, triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này và bãi bỏ Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết quy định về lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn cần thiết phải điều chỉnh, UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh và trình HĐND tỉnh xem xét và điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH